

SỞ Y TẾ GIA LAI  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
Số:17/KH-TTKSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai các Hoạt động dinh dưỡng**  
**bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025**

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 5556/QĐ-BYT ngày 04/12/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Nghị quyết về việc quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai Tây;*

*Căn cứ Nghị quyết 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Nghị quyết về việc Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai Tây;*

*Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-SYT ngày 04/9/2025 của Sở Y tế Gia Lai về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai các Hoạt động dinh dưỡng bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về Giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 cho các xã, phường (mới) trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ 6 tháng cuối năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai.*

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai các Hoạt động dinh dưỡng bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Cải thiện hoạt động dinh dưỡng trẻ em về cân nặng, chiều cao, giảm tỷ lệ tử vong trẻ, tình trạng thiếu vi chất của trẻ em và phụ nữ mang thai, góp phần nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

- Nâng cao dinh dưỡng cho người phụ nữ trước, trong khi có thai và sau khi sinh để đảm bảo trẻ sinh ra được khoẻ mạnh, không bị suy dinh dưỡng. Đặc biệt tập trung ưu tiên đối với trẻ trong 1.000 ngày đầu đời (9 tháng mang thai và 2 năm đầu) là giai đoạn cần được chăm sóc đặc biệt nhất.

### **2. Chỉ tiêu thực hiện**

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi  $\leq 11,48\%$  năm 2025.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi  $\leq 20,09\%$  năm 2025.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm (cân nặng theo chiều cao) ở trẻ em dưới 5 tuổi  $\leq 3,86\%$  năm 2025.

- Trên 98% trẻ em từ 6-59 tháng tuổi trên toàn tỉnh uống Vitamin A trong các đợt chiến dịch.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Đối tượng:** Trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai và người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

**2. Phạm vi thực hiện:** Trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**3. Thời gian thực hiện:** Trong 6 tháng cuối năm 2025.

## **III. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI**

### **1. Hoạt động truyền thông**

- Tăng cường truyền thông về các can thiệp dinh dưỡng như: Truyền thông về sự cần thiết của việc bổ sung Vitamin A liều cao ở trẻ em; tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi, tư vấn tại

hộ gia đình, tuyên truyền phổ biến những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc 1.000 ngày đầu đời, hướng dẫn bổ sung viên đa vi chất cho phụ nữ có thai và phụ nữ sau sinh trong vòng 01 tháng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong các Chiến dịch truyền thông như: Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển; Ngày vi chất Dinh dưỡng, Tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ và hưởng ứng các chiến dịch truyền thông nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Truyền tải các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như: xây dựng các phóng sự, tổ chức các buổi tọa đàm về công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Tổ chức các buổi thực hành dinh dưỡng: Những bà mẹ có con nhỏ, đặc biệt là những bà mẹ có trẻ bị suy dinh dưỡng, phụ nữ có thai cần được hỗ trợ nâng cao kiến thức thực hành dinh dưỡng thông qua các buổi thực hành dinh dưỡng, hoạt động này có thể lồng ghép với các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025.

## **2. Tổ chức hoạt động, chiến dịch dinh dưỡng**

- Tổ chức Ngày vi chất dinh dưỡng - uống Vitamin A đợt 1 và đợt 2 (tháng 12/2025): Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đầu mối hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai Chiến dịch đảm bảo đủ thuốc, an toàn cho trẻ theo đúng các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; hướng dẫn thực hiện việc tổ chức uống bù cho những trẻ không được uống trong khoảng thời gian tổ chức Chiến dịch.

- Triển khai Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ từ ngày 01/8 đến 07/8 trên toàn tỉnh Gia Lai:

- + Tăng cường công tác truyền thông: Tầm quan trọng của việc bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, kỹ năng nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và tiếp tục duy trì cho trẻ bú đến 24 tháng.

- + Treo băng rôn, khẩu hiệu trên trục đường chính, các tụ điểm dân cư, nơi tập trung đông người.

- + Phát thông điệp Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ trên hệ thống loa truyền thanh xã, phường.

- + Viết tin bài, xây dựng các chương trình truyền thông và các thông điệp hưởng ứng Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ từ ngày 01/8 đến 07/8.

- Triển khai Kế hoạch Tổ chức hoạt động Tuần lễ “Dinh dưỡng và Phát triển” (16- 23/10/2025) trên địa bàn tỉnh Gia Lai với nội dung:

+ Tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ có con nhỏ dưới 5 tuổi, giúp bà mẹ có kiến thức, kỹ năng nuôi con nhỏ; truyền thông lồng ghép cho người dân về chăm sóc dinh dưỡng sớm trong 1000 ngày đầu đời của trẻ góp phần phòng chống bệnh không lây nhiễm, thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng thấp còi qua đó nâng cao thể lực, tầm vóc và trí tuệ khi trưởng thành.

+ Phát thông điệp về Tuần lễ “Dinh dưỡng và Phát triển” trên hệ thống loa truyền thanh xã, phường, treo băng rôn, khẩu hiệu.

+ Viết tin bài, xây dựng các chương trình truyền thông và các thông điệp hưởng ứng Tuần lễ “Dinh dưỡng và Phát triển” năm 2025 gửi Đài Truyền thanh phát trong thời gian diễn ra Tuần lễ (16-23/10/2025).

- Tiếp nhận, cấp phát, quản lý viên đa vi chất cho phụ nữ mang thai tại 81 xã, phường theo hướng dẫn của viện Dinh Dưỡng.

### **3. Theo dõi tăng trưởng, quản lý, phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng tại cộng đồng**

- Kiện toàn công tác báo cáo, hoạt động của các cộng tác viên dinh dưỡng, tăng cường quản lý hoạt động dinh dưỡng qua sổ theo dõi phụ nữ có thai, biểu đồ tăng trưởng trẻ em, sổ theo dõi uống Vitamin A,... thường xuyên tại xã, phường.

- Hoạt động cân - đo trẻ em được triển khai theo quy định như sau:

+ Đối với trẻ dưới 24 tháng tuổi: Cân/đo định kỳ ít nhất 3 tháng/lần (tiến hành vào tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 11). Đặc biệt đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân được theo dõi cân, đo hàng tháng.

+ Cân, đo trẻ dưới 5 tuổi theo chiến dịch 02 lần/năm.

+ Sử dụng Biểu đồ tăng trưởng như một công cụ để theo dõi phát triển, diễn biến sức khỏe của trẻ, đồng thời là một công cụ để đưa các thông tin giáo dục truyền thông dinh dưỡng đến hộ gia đình.

- Tăng cường quản lý và giám sát trẻ suy dinh dưỡng tại cộng đồng, tư vấn hộ gia đình có con em bị suy dinh dưỡng.

- Triển khai hướng dẫn thực hành dinh dưỡng kết hợp nói chuyện chuyên đề, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng tại các thôn, bản, làng, khu phố nhằm hướng dẫn, tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ, phụ nữ mang thai, người chăm sóc trẻ giúp họ có kiến thức, kỹ năng nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi.

- Căn cứ nhu cầu thực tế tại địa phương Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện việc in: mẫu báo cáo 2.194 tờ (cho y tế thôn), sổ cộng tác viên 1.256

quyền, số theo dõi PNCT 1.256 quyền, biểu đồ tăng trưởng bé gái, biểu đồ tăng trưởng bé trai 16.196 tờ thường xuyên tại xã, phường.

#### **4. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ và đánh giá các hoạt động triển khai**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn trên địa bàn toàn tỉnh tại các Trung tâm Y tế. Nội dung kiểm tra, giám sát, hỗ trợ bao gồm: kiểm tra, hỗ trợ về mạng lưới, tổ chức triển khai, hoạt động chuyên môn, trang thiết bị, tài liệu... theo mẫu phiếu quy định của chương trình, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ cân, đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng ngày vi chất dinh dưỡng.

- Chiến dịch bổ sung Vitamin A.

- Kiểm tra giám sát hoạt động Tuần lễ “Dinh dưỡng và phát triển” từ ngày 16/10/2025 - 23/10/2025 trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến dưới triển khai bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai tại 77 xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai Tây về đối tượng, liều dùng, chỉ định, chống chỉ định, quản lý, bảo quản thuốc. Hướng dẫn báo cáo lập dự trù cho đợt sau.

- Giám sát, hỗ trợ thực hành dinh dưỡng tại thôn, làng trên địa bàn tỉnh Gia Lai Tây

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kinh phí thực hiện là: **539.188.226** đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

*\*Lưu ý: Trong giai đoạn chuyển tiếp, các nội dung hoạt động đơn vị đã thực hiện triển khai theo các nội dung thuộc các Kế hoạch cũ (đã được Sở Y tế tỉnh Bình Định và Sở Y tế tỉnh Gia Lai phê duyệt trước khi sắp xếp, tổ chức lại bộ máy) trước thời điểm Kế hoạch này ban hành thì được phép tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành. Việc thanh toán cho các hoạt động này được thực hiện theo đúng nội dung và dự toán đã được phê duyệt tại các Kế hoạch cũ đó.*

*(Chi tiết dự toán kinh phí cho các hoạt động 6 tháng cuối năm 2025 tại Phụ lục kèm theo)*

- Ngoài nguồn kinh phí được cấp đã nêu trên, Trạm Y tế xây dựng triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng trên địa bàn và báo cáo chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**

- Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động theo nội dung Kế hoạch được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện việc chi tiêu theo đúng chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hướng dẫn cho tuyến dưới và theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai các hoạt động của các đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

- Hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật cho các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Chiến dịch uống Vitamin A, Ngày vi chất dinh dưỡng, bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai, hoạt động thực hành dinh dưỡng kết hợp nói chuyện chuyên đề, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng, cân đo trẻ dưới 2 tuổi hàng quý, Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển và các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Tiếp nhận và cấp Vitamin A và viên đa vi chất cho các địa phương.

- Căn cứ nhu cầu thực tế tại địa phương Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện việc in mẫu báo cáo, sổ cộng tác viên, sổ theo dõi PNCT, biểu đồ tăng trưởng bé gái, biểu đồ tăng trưởng bé trai thường xuyên tại xã, phường.

- Phối hợp khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe thực hiện tuyên truyền, viết tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của đơn vị, Sở Y tế.

- Phối hợp Phòng kế hoạch nghiệp vụ: xây dựng kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả các hoạt động dinh dưỡng, tiến độ giải ngân kinh phí theo quy định (*Thời điểm báo cáo các quý là trước ngày 10 của tháng sau liền kề, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 01 của năm sau năm báo cáo*).

## **2. Các Trung tâm Y tế**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động Hoạt động dinh dưỡng 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động nhằm duy trì kết quả đã đạt được.

- Tổ chức Chiến dịch uống Vitamin A ở tất cả các xã, phường và rà soát, tổ chức cho trẻ uống bù Vitamin A (với những trẻ không được uống trong khoảng thời gian diễn ra Chiến dịch) để bảo đảm không sót đối tượng.

- Triển khai hoạt động thực hành dinh dưỡng kết hợp nói chuyện chuyên đề, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng. Tổ chức 136 lớp với 4.080 bà mẹ/người chăm sóc trẻ tham gia trong đó 6 tháng đầu năm đã thực hiện được 102 lớp với 3.060 bà mẹ/người chăm sóc trẻ tham gia, còn 34 lớp với 1.020 bà mẹ/người chăm sóc sẽ triển khai vào 6 tháng cuối năm.

- Tổ chức triển khai Ngày vi chất dinh dưỡng, Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, và các hoạt động truyền thông, tư vấn về vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em theo hướng dẫn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- Tiếp tục duy trì việc triển khai cân, đo trẻ tháng, quý, năm tại địa phương và phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức điều tra dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động trên địa bàn và thống kê báo cáo kết quả hoạt động theo quy (*Thời điểm báo cáo các quý là trước ngày 05 của tháng sau liền kề, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 12/2025*).

- Chỉ đạo các Trạm Y tế:

+ Xây dựng kế hoạch triển khai Hoạt động dinh dưỡng 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương sau khi sát nhập đơn vị hành chính trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động nhằm duy trì kết quả đã đạt được.

+ Tiếp tục duy trì việc triển khai cân, đo trẻ tháng, quý, năm tại địa phương và phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức điều tra dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng. Báo cáo các chỉ tiêu suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (theo QĐ 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về Giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 cho các xã, phường (mới) trên địa bàn tỉnh, thể thấp còi và thể gầy còm (theo chỉ tiêu đăng ký đầu năm 2025) trẻ dưới 5 tuổi trước ngày 10/8/2025 và ngày 10/01/2026.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các Hoạt động dinh dưỡng bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật để xem xét, giải quyết. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế; (báo cáo)
- Trung tâm Y tế; (thực hiện)
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Phòng TCKT;
- Phòng KHNV; (phối hợp)
- Khoa TTGDSK;
- Lưu: VT, DD.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Truyền**

**Phụ lục I:**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng**  
**bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025**

*ĐVT: Đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Điều tra, thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và bà mẹ tại 30 xã ( <i>90 thôn và khoảng 1.530 bà mẹ và trẻ em</i> )                                                                                                                                         | 38.700.432                                             |                                                                                          |
| 2         | Công tác hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến dưới; kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động triển khai                                                                                                                                                                            | 44.291.000                                             |                                                                                          |
| 3         | Tập huấn cập nhật kiến thức về dinh dưỡng và chiến dịch bổ sung Vitamin A cho trẻ em                                                                                                                                                                                               | 3.824.800                                              |                                                                                          |
| 4         | Theo dõi tăng trưởng, quản lý, phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng tại cộng đồng: in mẫu báo cáo, in sổ cộng tác viên, in sổ theo dõi PNCT, in biểu đồ tăng trưởng bé gái, in biểu đồ tăng trưởng bé trai thường xuyên tại xã, phường, thị trấn phục vụ công tác chuyên môn | 59.460.800                                             |                                                                                          |
| 5         | Hoạt động thực hành dinh dưỡng kết hợp nói chuyện, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                  | 51.543.120                                             | Nội dung này đã thực hiện được 24.960.000 đồng và đang hoàn tất thủ tục thanh quyết toán |
| 6         | Triển khai chiến dịch bổ sung Vitamin A: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế cho trẻ em 06-60 tháng tuổi uống Vitamin A tại cộng đồng                                                                                                                                                       | 335.582.500                                            | Nội dung này đã thực hiện được 170.481.750                                               |

| TT                                                                                                   | Nội dung chi                                                                   | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 | Ghi chú                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                                                                                                      |                                                                                |                                                 | đồng và và đang hoàn tất thủ tục thanh quyết toán |
| 7                                                                                                    | Hỗ trợ công tác phí, lưu trú, xăng xe đi lại tiếp nhận Vitamin A từ tuyến trên | 5.785.574                                       |                                                   |
| <b>Tổng cộng: Năm trăm ba mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng</b> |                                                                                | <b>539.188.226</b>                              |                                                   |

**Ghi chú:** Đơn vị chịu trách nhiệm nội dung chi, mức chi theo quy định hiện hành để thực hiện việc chi tiêu và thanh quyết toán theo quy định.

**Phụ lục II:**

**Chỉ tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2025**

| <b>Nội dung</b> |                         | <b>Tỷ lệ suy dinh dưỡng các thể của trẻ em<br/>dưới 5 tuổi (%)</b> |                     |                    |
|-----------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|
|                 |                         | <b>Thể nhẹ cân</b>                                                 | <b>Thể thấp còi</b> | <b>Thể gầy còm</b> |
| <b>Năm 2024</b> | <b>Gia Lai<br/>Đông</b> | 6,75                                                               | 10,17               | 2,25               |
|                 | <b>Gia Lai<br/>Tây</b>  | 24,60                                                              | 27,6                | 9,2                |
| <b>Năm 2024</b> | <b>Gia Lai</b>          | 17,40                                                              | 20,57               | 6,37               |
| <b>Năm 2025</b> | <b>Gia Lai<br/>Đông</b> | 6,50                                                               | 9,80                | 2,22               |
|                 | <b>Gia Lai<br/>Tây</b>  | 14,90                                                              | 27,20               | 5,0                |
| <b>Năm 2025</b> | <b>Gia Lai</b>          | 11,48                                                              | 20,09               | 3,86               |

**Phụ lục III:**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ**  
**Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng**  
**bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 tại tỉnh Gia Lai**

**DVT: Đồng**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Dự toán 2025</b> | <b>Đã thực hiện giải ngân<br/>6 tháng đầu năm 2025</b> | <b>Dự toán còn lại thực hiện<br/>6 tháng cuối năm 2025</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1         | Điều tra, thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và bà mẹ tại 30 xã<br>(90 thôn và khoảng 1.530 bà mẹ và trẻ em)                                                                                                                                               | 198.733.200         | 160.032.768                                            | 38.700.432                                                 |
| 2         | Công tác hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến dưới; kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động triển khai                                                                                                                                                                            | 61.305.000          | 17.014.000                                             | 44.291.000                                                 |
| 3         | Tập huấn cập nhật kiến thức về dinh dưỡng và chiến dịch bổ sung Vitamin A cho trẻ em                                                                                                                                                                                               | 94.230.000          | 90.405.200                                             | 3.824.800                                                  |
| 4         | Theo dõi tăng trưởng, quản lý, phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng tại cộng đồng: in mẫu báo cáo, in sổ cộng tác viên, in sổ theo dõi PNCT, in biểu đồ tăng trưởng bé gái, in biểu đồ tăng trưởng bé trai thường xuyên tại xã, phường, thị trấn phục vụ công tác chuyên môn | 59.460.800          | 0                                                      | 59.460.800                                                 |
| 5         | Hoạt động thực hành dinh dưỡng kết hợp nói                                                                                                                                                                                                                                         | 106.080.000         | 54.536.880                                             | 51.543.120                                                 |

| <b>TT</b>        | <b>Nội dung chi</b>                                                                                                          | <b>Dự toán 2025</b> | <b>Đã thực hiện giải ngân<br/>6 tháng đầu năm 2025</b> | <b>Dự toán còn lại thực hiện<br/>6 tháng cuối năm 2025</b> |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|                  | chuyện, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng                                                                                       |                     |                                                        |                                                            |
| 6                | Triển khai chiến dịch bổ sung Vitamin A: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế cho trẻ em 06-60 tháng tuổi uống Vitamin A tại cộng đồng | 425.284.000         | 89.701.500                                             | 335.582.500                                                |
| 7                | Hỗ trợ công tác phí, lưu trú, xăng xe đi lại tiếp nhận Vitamin A từ tuyến trên                                               | 6.310.000           | 524.426                                                | 5.785.574                                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                              | <b>951.403.000</b>  | <b>412.214.774</b>                                     | <b>539.188.226</b>                                         |

**Phụ lục IV:**  
**CHI TIẾT KINH PHÍ**  
**Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng**  
**bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 tại tỉnh Gia Lai**

**ĐVT: Đồng**

| TT       | Nội dung chi                                                                              | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|          |                                                                                           | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|          |                                                                                           | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                          | <b>539.188.226</b>                              | <b>195.441.750</b>                             | <b>343.746.476</b>               |         |
|          | <b>GIA LAI ĐÔNG</b>                                                                       | <b>83.790.162</b>                               | <b>0</b>                                       | <b>83.790.162</b>                |         |
| <b>1</b> | <b>Giám sát chiến dịch cân, đo uống Vitamin A đợt 1 và các hoạt động của chương trình</b> | <b>7.720.000</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>7.720.000</b>                 |         |

| TT | Nội dung chi                                                           | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                              |
|----|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                        | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                      |
|    |                                                                        | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                      |
|    | Phụ cấp lưu trú:<br>02 ngày x 200.000đ/ngày x 02 người                 | 800.000                                         | 0                                              | 800.000                          | Điểm a, khoản 2, điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 |
|    | Phụ cấp lưu trú: 06 ngày x 300.000đ/ngày x 02 người                    | 3.600.000                                       | 0                                              | 3.600.000                        | Điểm b, khoản 2, điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 |
|    | Mức khoán tiền thuê phòng nghỉ: 08 đêm x 300.000đ/đêm x 2 người        | 2.400.000                                       | 0                                              | 2.400.000                        | Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 |
|    | Xăng xe máy (chi theo thực tế):<br>1.380 km/30km = 46 lít *20.000 đồng | 920.000                                         | 0                                              | 920.000                          |                                                                      |
| 2  | <b>Giám sát chiến dịch uống Vitamin A đợt 2</b>                        | <b>5.292.500</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>5.292.500</b>                 |                                                                      |

| TT | Nội dung chi                                                                     | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                  | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                  |
|    |                                                                                  | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                  |
|    | Phụ cấp lưu trú đi và về trong ngày: 04 ngày x 150.000đ/ngày x 02 người          | 1.200.000                                       | 0                                              | 1.200.000                        | Mục 1.3, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
|    | Phụ cấp lưu trú đi công tác trong tỉnh ở lại: 03 ngày x 300.000đ/ngày x 02 người | 1.800.000                                       | 0                                              | 1.800.000                        |                                                                  |
|    | Mức khoán tiền thuê phòng nghỉ: 02 đêm x 300.000đ/đêm x 2 người                  | 1.200.000                                       | 0                                              | 1.200.000                        | Mục 1.4, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
|    | Xăng xe máy (chi theo thực tế): 1.092,5 km x 1.000đ                              | 1.092.500                                       | 0                                              | 1.092.500                        | Mục 1.2, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
| 3  | <b>Giám sát tuần lễ dinh dưỡng và phát triển</b>                                 | <b>5.292.500</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>5.292.500</b>                 |                                                                  |

| TT | Nội dung chi                                                                     | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                  | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                  |
|    |                                                                                  | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                  |
|    | Phụ cấp lưu trú đi và về trong ngày: 04 ngày x 150.000đ/ngày x 02 người          | 1.200.000                                       | 0                                              | 1.200.000                        | Mục 1.3, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
|    | Phụ cấp lưu trú đi công tác trong tỉnh ở lại: 03 ngày x 300.000đ/ngày x 02 người | 1.800.000                                       | 0                                              | 1.800.000                        |                                                                  |
|    | Mức khoán tiền thuê phòng nghỉ: 02 đêm x 300.000đ/đêm x 02 người                 | 1.200.000                                       | 0                                              | 1.200.000                        | Mục 1.4, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
|    | Xăng xe máy (chi theo thực tế): 1.092,5 km x 1.000đ                              | 1.092.500                                       | 0                                              | 1.092.500                        | Mục 1.2, phần VI, Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                        | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                     | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |              |
|    |                                                                                                                                                                                                                                     | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |              |
| 4  | Quản lý chương trình: in mẫu báo cáo, in sổ cộng tác viên, in sổ theo dõi PNCT, in biểu đồ tăng trưởng bé gái, in biểu đồ tăng trưởng bé trai, in sổ theo dõi uống Vitamin A thường xuyên tại xã, phòng phục vụ công tác chuyên môn | 59.460.800                                      | 0                                              | 59.460.800                       | Theo báo giá |
|    | In mẫu báo cáo: 2.194 tờ x 300đ/tờ x 12 tháng (cho y tế thôn)                                                                                                                                                                       | 7.898.400                                       | 0                                              | 7.898.400                        |              |
|    | In sổ cộng tác viên: 1.256 quyển x 12.000đ/quyển (theo mẫu của Viện Dinh dưỡng)                                                                                                                                                     | 15.072.000                                      | 0                                              | 15.072.000                       |              |

| TT | Nội dung chi                                                                                   | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------|
|    |                                                                                                | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                   |
|    |                                                                                                | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                   |
|    | In sổ theo dõi PNCT:<br>1.256 quyển x 11.000đ/quyển (theo mẫu của Viện Dinh dưỡng)             | 13.816.000                                      | 0                                              | 13.816.000                       |                   |
|    | In biểu đồ tăng trưởng bé gái, bé trai:<br>16.196 tờ x 1.400đ/tờ                               | 22.674.400                                      | 0                                              | 13.816.000                       |                   |
| 5  | <b>Điều tra, thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và bà mẹ tại 30 xã</b> | <b>2.199.562</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>2.199.562</b>                 | Đã thực hiện xong |
| 6  | <b>Tập huấn cập nhật kiến thức về dinh dưỡng và chiến dịch bổ sung Vitamin A cho trẻ em</b>    | <b>3.824.800</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>3.824.800</b>                 | Đã thực hiện xong |

| TT       | Nội dung chi                                                                                                                         | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                                           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                                                                                      | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                                   |
|          |                                                                                                                                      | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                                   |
|          | <b>GIA LAI TÂY</b>                                                                                                                   | <b>455.398.064</b>                              | <b>195.441.750</b>                             | <b>259.956.314</b>               |                                                                                   |
| <b>1</b> | <b>Điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ trẻ em (30 cụm)</b>                                                                 | <b>36.500.870</b>                               | <b>0</b>                                       | <b>36.500.870</b>                | Đã thực hiện xong                                                                 |
| <b>2</b> | <b>Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyển dưới triển khai Bổ sung Vitamin A, cân đo trẻ đợt 2 năm 2025; Hoạt động thực hành dinh dưỡng</b> | <b>25.986.000</b>                               | <b>0</b>                                       | <b>25.986.000</b>                | Mục 1.2; 1.3; 1.4 Khoản 1, phần VI Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 |
|          | Lưu trú (4 người x 10 ngày x 300.000 đ/ngày)                                                                                         | 12.000.000                                      | 0                                              | 12.000.000                       |                                                                                   |
|          | Thuê phòng nghỉ (4 người x 08 đêm x 300.000 đ/đêm)                                                                                   | 9.600.000                                       | 0                                              | 9.600.000                        |                                                                                   |

| TT | Nội dung chi                                                                                           | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                                                                                                                                                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                        | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                                                                                                                                                     |
|    |                                                                                                        | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                                                                                                                                                     |
|    | Tiền đi lại (Khoán) (4.386 km*1000 đ/km)                                                               | 4.386.000                                       | 0                                              | 4.386.000                        |                                                                                                                                                                                                     |
| 3  | <b>Hỗ trợ công tác phí, lưu trú, thuê phòng nghỉ, xăng xe đi lại tiếp nhận Vitamin A từ tuyến trên</b> | <b>5.785.574</b>                                | <b>0</b>                                       | <b>5.785.574</b>                 | Mục 1.2; 1.3; 1.4 Khoản 1, phần VI Quy chế cơ quan số 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025; Xăng xe ô tô cơ quan định mức theo công văn Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai, Phí cầu đường,... theo giá vé thực tế. |
|    | Lưu trú (02 người x 03 ngày x 300.000 đ/ngày)                                                          | 1.800.000                                       | 0                                              | 1.800.000                        |                                                                                                                                                                                                     |
|    | Thuê phòng nghỉ (02 người x 02 đêm x 500.000 đ/đêm)                                                    | 2.000.000                                       | 0                                              | 2.000.000                        |                                                                                                                                                                                                     |
|    | Xăng xe (70 lít x 25.000 đồng/lít)                                                                     | 1.750.000                                       | 0                                              | 1.750.000                        |                                                                                                                                                                                                     |

| TT | Nội dung chi                                                         | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                       |
|----|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|    |                                                                      | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                               |
|    |                                                                      | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                               |
|    | Phí cầu đường, gửi xe, chi phí khác                                  | 235.574                                         | 0                                              | 235.574                          |                                                               |
| 4  | Hỗ trợ cho cán bộ y tế cho trẻ uống Vitamin A tại cộng đồng năm 2025 | 335.582.500                                     | 170.481.750                                    | 165.100.750                      | Mục b điểm 12 điều 2 NQ 57/2023 HĐND Gia Lai ngày 20/10/2023; |
|    | AN KHÊ (Dự kiến 5.444 trẻ)                                           | 12.447.000                                      | 0                                              | 12.447.000                       |                                                               |
|    | AYUN PA (Dự kiến 4.253 trẻ)                                          | 11.823.000                                      | 5.751.000                                      | 6.072.000                        |                                                               |
|    | CHƯ PĂH (Dự kiến 7.234 trẻ)                                          | 24.604.000                                      | 12.468.500                                     | 12.135.500                       |                                                               |

| TT | Nội dung chi                   | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|--------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                                | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                                | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | CHƯ PRÔNG (Dự kiến 11.079 trẽ) | 32.478.000                                      | 22.650.000                                     | 9.828.000                        |         |
|    | CHƯ PU'H (Dự kiến 7.466 trẽ)   | 8.516.000                                       | 0                                              | 8.516.000                        |         |
|    | CHƯ SÊ (Dự kiến 10.672 trẽ)    | 16.673.500                                      | 0                                              | 16.673.500                       |         |
|    | ĐẮK ĐOA (Dự kiến 10.831 trẽ)   | 43.990.000                                      | 25.918.000                                     | 18.072.000                       |         |
|    | ĐẮK PƠ (Dự kiến 3.019 trẽ)     | 3.566.000                                       | 0                                              | 3.566.000                        |         |

| TT | Nội dung chi                | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                             | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                             | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | ĐỨC CỜ (Dự kiến 6.433 trẽ)  | 20.684.000                                      | 10.299.000                                     | 10.385.000                       |         |
|    | IA GRAI (Dự kiến 8.052 trẽ) | 22.995.000                                      | 16.172.000                                     | 6.823.000                        |         |
|    | IA PA (Dự kiến 5.197 trẽ)   | 17.810.000                                      | 14.602.000                                     | 3.208.000                        |         |
|    | KBANG (Dự kiến 5.204 trẽ)   | 17.079.000                                      | 8.621.250                                      | 8.457.750                        |         |
|    | K.CHRO (Dự kiến 5.375 trẽ)  | 10.002.000                                      | 0                                              | 10.002.000                       |         |

| TT | Nội dung chi                                                                                    | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú                                                                                |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                 | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                                                                                        |
|    |                                                                                                 | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                                                                                        |
|    | KRÔNG PA (Dự kiến 8.650 trẽ)                                                                    | 6.776.000                                       | 0                                              | 6.776.000                        |                                                                                        |
|    | M.YANG (Dự kiến 6.991 trẽ)                                                                      | 24.776.000                                      | 18.984.000                                     | 5.792.000                        |                                                                                        |
|    | P.THIỆN (Dự kiến 6.677 trẽ)                                                                     | 7.234.000                                       | 0                                              | 7.234.000                        |                                                                                        |
|    | PLEIKU (Dự kiến 17.508 trẽ)                                                                     | 54.129.000                                      | 35.016.000                                     | 19.113.000                       |                                                                                        |
| 5  | <b>Hoạt động thực hành dinh dưỡng (THDD) kết hợp nói chuyện, thảo luận và tư vấn dinh dưỡng</b> | <b>51.543.120</b>                               | <b>24.960.000</b>                              | <b>26.583.120</b>                | Điểm c khoản 1 và điểm a khoản 12 điều 2 NQ 57/2023 HĐND tỉnh Gia Lai ngày 20/10/2023; |

| TT | Nội dung chi                                                             | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                                                                          | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                                                                          | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | <b>ĐẮK ĐOA (30 bà mẹ/lớp x 14 lớp)</b>                                   | <b>10.920.000</b>                               | <b>0</b>                                       | <b>10.920.000</b>                |         |
|    | Hỗ trợ tư vấn tại cộng đồng (14 lớp x 150.000 đ/lớp)                     | 2.100.000                                       | 0                                              | 2.100.000                        |         |
|    | Mua vật liệu cho hoạt động THĐĐ (14 lớp x 6.000đ/người x 30 bà mẹ)       | 2.520.000                                       | 0                                              | 2.520.000                        |         |
|    | Chi tiền nước cho đối tượng tham gia (14 lớp x 30 bà mẹ x 15.000 đ/buổi) | 6.300.000                                       | 0                                              | 6.300.000                        |         |
|    | <b>IA GRAI (30 bà mẹ/lớp x 13 lớp)</b>                                   | <b>10.140.000</b>                               | <b>10.140.000</b>                              | <b>0</b>                         |         |

| TT | Nội dung chi                                                             | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                                                                          | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                                                                          | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | Hỗ trợ tư vấn tại cộng đồng (13 lớp x 150.000 đ/lớp)                     | 1.950.000                                       | 1.950.000                                      | 0                                |         |
|    | Chi tiền nước cho đối tượng tham gia (13 lớp x 30 bà mẹ x 15.000 đ/buổi) | 5.850.000                                       | 5.850.000                                      | 0                                |         |
|    | Mua vật liệu cho hoạt động THĐĐ (13 lớp x 6.000đ/người x 30 bà mẹ)       | 2.340.000                                       | 2.340.000                                      | 0                                |         |
|    | <b>KBANG (30 bà mẹ/lớp x 12 lớp)</b>                                     | <b>9.360.000</b>                                | <b>9.360.000</b>                               | <b>0</b>                         |         |
|    | Hỗ trợ tư vấn tại cộng đồng (12 lớp x 150.000 đ/lớp)                     | 1.800.000                                       | 1.800.000                                      | 0                                |         |

| TT | Nội dung chi                                                             | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                                                                          | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                                                                          | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | Chi tiền nước cho đối tượng tham gia (12 lớp x 30 bà mẹ x 15.000 đ/buổi) | 5.400.000                                       | 5.400.000                                      | 0                                |         |
|    | Mua vật liệu cho hoạt động THĐĐ (12 lớp x 6.000đ/người x 30 bà mẹ)       | 2.160.000                                       | 2.160.000                                      | 0                                |         |
|    | <b>M.YANG (30 bà mẹ/lớp x 07 lớp)</b>                                    | <b>5.460.000</b>                                | <b>5.460.000</b>                               | <b>0</b>                         |         |
|    | Hỗ trợ tư vấn tại cộng đồng (07 lớp x 150.000 đ/lớp)                     | 1.050.000                                       | 1.050.000                                      | 0                                |         |
|    | Chi tiền nước cho đối tượng tham gia (07 lớp x 30 bà mẹ x 15.000 đ/buổi) | 3.150.000                                       | 3.150.000                                      | 0                                |         |

| TT | Nội dung chi                                                             | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|    |                                                                          | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |         |
|    |                                                                          | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |         |
|    | Mua vật liệu cho hoạt động THĐĐ (07 lớp x 6.000đ/người x 30 bà mẹ)       | 1.260.000                                       | 1.260.000                                      | 0                                |         |
|    | <b>CHƯ' PRÔNG (30 bà mẹ/lớp x 20 lớp)</b>                                | <b>15.600.000</b>                               | <b>0</b>                                       | <b>15.600.000</b>                |         |
|    | Hỗ trợ tư vấn tại cộng đồng (20 lớp x 150.000 đ/lớp)                     | 3.000.000                                       | 0                                              | 3.000.000                        |         |
|    | Mua vật liệu cho hoạt động THĐĐ (20 lớp x 6.000đ/người x 30 bà mẹ)       | 3.600.000                                       | 0                                              | 3.600.000                        |         |
|    | Chi tiền nước cho đối tượng tham gia (20 lớp x 30 bà mẹ x 15.000 đ/buổi) | 9.000.000                                       | 0                                              | 9.000.000                        |         |

| TT | Nội dung chi | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú           |
|----|--------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------|
|    |              | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                   |
|    |              | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                   |
|    | CHƯ' PƯ' H   | 5.400                                           | 0                                              | 5.400                            | Đã thực hiện xong |
|    | CHƯ' SÊ      | 37.800                                          | 0                                              | 37.800                           | Đã thực hiện xong |
|    | ĐẮK PƠ       | 6.300                                           | 0                                              | 6.300                            | Đã thực hiện xong |
|    | ĐỨC CƠ       | 1.920                                           | 0                                              | 1.920                            | Đã thực hiện xong |
|    | KRÔNG PA     | 4.500                                           | 0                                              | 4.500                            | Đã thực hiện xong |

| TT | Nội dung chi | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  | Ghi chú           |
|----|--------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------|
|    |              | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |                   |
|    |              | (1)=(2)+(3)                                     | (2)                                            | (3)                              |                   |
|    | P.THIỆN      | 7.200                                           | 0                                              | 7.200                            | Đã thực hiện xong |

**Phụ lục V:**  
**Phân bổ kinh phí hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025**  
**tại tỉnh Gia Lai**

**DVT: đồng**

| STT          | Đơn vị    | Dự toán 2025 | Đã thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2025 | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  |
|--------------|-----------|--------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|
|              |           |              |                                             | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |
| TỔNG CỘNG    |           | 951.403.000  | 412.214.774                                 | 539.188.226                                     | 195.441.750                                    | 343.746.476                      |
| GIA LAI ĐÔNG |           | 224.605.000  | 140.814.838                                 | 83.790.162                                      | 0                                              | 83.790.162                       |
| 1            | Tuy Phước | 32.000.000   | 32.000.000                                  | 0                                               | 0                                              | 0                                |
| 2            | Phù Cát   | 30.860.000   | 29.910.000                                  | 950.000                                         | 0                                              | 950.000                          |
| 3            | Hoài Nhơn | 12.610.000   | 12.610.000                                  | 0                                               | 0                                              | 0                                |
| 4            | TTKSBT    | 149.135.000  | 66.294.838                                  | 82.840.162                                      | 0                                              | 82.840.162                       |
| GIA LAI TÂY  |           | 726.798.000  | 271.399.936                                 | 455.398.064                                     | 195.441.750                                    | 259.956.314                      |
| 1            | An Khê    | 12.447.000   | 0                                           | 12.447.000                                      | 0                                              | 12.447.000                       |
| 2            | AYun Pa   | 11.823.000   | 0                                           | 11.823.000                                      | 5.751.000                                      | 6.072.000                        |
| 3            | Chư Păh   | 32.404.000   | 7.800.000                                   | 24.604.000                                      | 12.468.500                                     | 12.135.500                       |
| 4            | Chư Prông | 48.078.000   | 0                                           | 48.078.000                                      | 22.650.000                                     | 25.428.000                       |

| STT | Đơn vị    | Dự toán 2025 | Đã thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2025 | Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 |                                                |                                  |
|-----|-----------|--------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|
|     |           |              |                                             | Tổng                                            | KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân | Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm |
| 5   | Chư Pưh   | 30.842.000   | 22.320.600                                  | 8.521.400                                       | 0                                              | 8.521.400                        |
| 6   | Chư Sê    | 42.625.000   | 25.913.700                                  | 16.711.300                                      | 0                                              | 16.711.300                       |
| 7   | Đăk Đoa   | 54.910.000   | 0                                           | 54.910.000                                      | 25.918.000                                     | 28.992.000                       |
| 8   | Đăk Pơ    | 15.244.000   | 11.671.700                                  | 3.572.300                                       | 0                                              | 3.572.300                        |
| 9   | Đức Cơ    | 27.704.000   | 7.018.080                                   | 20.685.920                                      | 10.299.000                                     | 10.386.920                       |
| 10  | Ia Grai   | 33.135.000   | 0                                           | 33.135.000                                      | 26.312.000                                     | 6.823.000                        |
| 11  | Ia Pa     | 21.710.000   | 3.900.000                                   | 17.810.000                                      | 14.602.000                                     | 3.208.000                        |
| 12  | KBang     | 26.439.000   | 0                                           | 26.439.000                                      | 17.981.250                                     | 8.457.750                        |
| 13  | Kông Chro | 23.872.000   | 13.870.000                                  | 10.002.000                                      | 0                                              | 10.002.000                       |
| 14  | Krông Pa  | 39.134.000   | 32.353.500                                  | 6.780.500                                       | 0                                              | 6.780.500                        |
| 15  | Mang Yang | 30.236.000   | 0                                           | 30.236.000                                      | 24.444.000                                     | 5.792.000                        |
| 16  | Phú Thiện | 26.632.000   | 19.390.800                                  | 7.241.200                                       | 0                                              | 7.241.200                        |
| 17  | Pleiku    | 54.129.000   | 0                                           | 54.129.000                                      | 35.016.000                                     | 19.113.000                       |
| 18  | TTKSBT    | 195.434.000  | 127.161.556                                 | 68.272.444                                      | 0                                              | 68.272.444                       |